

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3121	Trần Thị Thúy Vân		09/09/1992	272291088	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3122	Trần Ngọc Liệu	12/04/1952		270419943	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3123	Nguyễn Thị Cấp		20/04/1923	174144310	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3124	Nguyễn Thanh Hùng	24/06/1998		0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
						Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em			
3125	Nguyễn Văn Cường	01/01/1954		270009412	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3126	Nguyễn Trung Hiếu	28/08/1982		271419806	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
						Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng			
3127	Nguyễn Thị Nam Hải		14/11/1987	0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3128	Phạm Viết Hào	01/01/1929		270419870	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3129	Phạm Thị Vang		01/01/1929	270419975	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3130	Đinh Viết Tân	16/05/1927		270419998	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3131	Đinh Viết Thành	17/03/1969		270798283	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3132	Lương Thị Hiền		13/12/1987	272291157	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
						Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng			
3133	Lương Tiến Dũng	24/06/1945		271814484	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
3134	Nguyễn Tuấn Anh	21/09/1992		272291130	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
3135	Nguyễn Thị Hội		01/01/1931	290176339	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3136	Đỗ Thị Chín		01/01/1931	0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
						Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em			
3137	Chu Mạnh Cung	10/06/1932		0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
3138	Đinh Thị Gái		01/01/1931	272399247	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
3139	Nguyễn Thị Mỹ Lộc		05/05/1984	0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
3140	Phạm Thị Tắc		01/01/1935	270419878	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3141	Đinh Thị Thu		01/07/1959	270419880	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3142	Nguyễn Thị Đường		01/01/1932	270422043	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3143	Nguyễn Thị Lại		01/01/1932	270423230	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3144	Nguyễn Thị Lý		01/01/1932	272291197	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3145	Đỗ Thị Thanh Hằng		06/08/1987	271742937	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
						Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em			
3146	Đỗ Văn Quyển	27/03/1958		270420055	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
3147	Trình Thị Sân		01/01/1973	0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3148	Ngô Thị Râu		10/03/1932	160619734	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3149	Phan Văn Tân	16/05/1958		272655059	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3150	Phan Thị Hồng Phước		20/06/1967	271785177	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3151	Lê Thị Yến		01/01/1964	271065382	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3152	Hoàng Thế Hiệp	16/11/1981		271412508	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3153	Chu Văn Tân	01/01/1986		271929692	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3154	Chu Văn Tổng	01/01/1962		271597012	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3155	Đinh Văn Đoàn	15/05/1984		272505404	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3156	Đặng Đăng Dương	10/10/2008		0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3157	Trần Thị Hồng Yến		09/03/1985	271687531	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3158	Nguyễn Văn Khiên	01/01/1946		272291201	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3159	Nguyễn Văn Tài	15/10/1984		271692021	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3160	Nguyễn Thị Nữ		01/01/1933	272603787	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3161	Nguyễn Minh Tân	19/11/2002		0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3162	Phạm Thị Bích Huyền		11/03/1979	271188160	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3163	Nguyễn Thị Thu Thảo		27/03/2011	0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3164	Nguyễn Thị Thu Thủy		01/01/1979	272746559	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3165	Trần Quang Vũ	15/02/2005		0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3166	Nguyễn Thị Thủy Kiều		08/10/1978	271597684	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3167	Trần Thị Hồng Vỹ		01/01/1991	272153888	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3168	Phạm Văn Cát	01/01/1934		270420227	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3169	Quách Thị Nhì		18/02/1934	30478595	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Chí chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3170	Nguyễn Thị Nhung		01/01/1934	270420004	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3171	Mai Thị Thân		01/01/1934	170104677	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3172	Nguyễn Thị Nữ		01/01/1952	161729853	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3173	Nguyễn Thị Thước		01/01/1960	271329999	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3174	Đào Thị Trang		01/01/1986	272636787	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3175	Nguyễn Thị Dợi		20/02/1965	270423152	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3176	Mai Đình Thục		11/10/1944	272720973	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3177	Trần Thị Lan		20/10/1958	272720974	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3178	Trần Đình Thủy		01/07/1966	271082484	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3179	Nguyễn Thị Na		01/01/1935	270081902	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3180	Nguyễn Thị Nguyễn		01/01/1935	270420335	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3181	Bùi Xang		01/01/1935	270460137	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3182	Nguyễn Chí Thành		19/06/2013	0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3183	Đặng Thị Lệ Phương		23/12/1987	0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3184	Nguyễn Thị Kê		01/10/1935	0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3185	Đinh Thị Lưu		01/01/1936	272505834	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3186	Đinh Thị Thơm		01/01/1936	270440119	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3187	Đinh Thị Giảng		01/01/1934	272775399	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3188	Hồ Ngọc Lai		01/01/1936	320395912	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3189	Ngô Viết Tích		01/01/1937	270423173	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3190	Nguyễn Thị Tứ		01/01/1937	270420131	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3191	Triệu Văn Thịnh		01/01/1937	270907628	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3192	Vũ Đình Gia Hân		20/01/2007	0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3193	Nguyễn Văn Doan		11/11/1937	272291206	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3194	Phạm Thị Riên		10/03/1938	271929900	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3195	Phạm Thị Chín		01/01/1938	270423175	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3196	Ngô Văn Công		01/01/1938	270119253	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3197	Mai Thị Trâm		01/01/1938	270419914	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3198	Nguyễn Thị Lan		01/01/1938	272849480	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3199	Lê Văn Quý	01/01/1934		272849481	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3200	Lê Văn Chiến	12/02/1960		168017215	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3201	Dương Lợi		21/09/1939	272757091	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3202	Đỗ Văn Xông	10/04/1954		270725114	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3203	Trần Minh Sang	16/10/2003		0	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3204	Nguyễn Thị Ngợi		01/01/1940	272724037	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3205	Ngô Thị Đò		01/01/1940	270419921	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3206	Nguyễn Văn Trí	01/01/1940		270364445	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3207	Nguyễn Văn Yên	15/03/1942		271871997	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3208	Nguyễn Văn Yên	15/03/1942		271871997	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3209	Nguyễn Thị Sen		01/02/1950	272580821	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	
3210	Hoàng Xuân Huy	01/01/1949		272580820	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	
3211	Nguyễn Phi Trường	04/04/1989		271813199	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3212	Nguyễn Thị Mưa		15/07/1937	030137000037	ấp Thái Hòa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3213	Trần Gia Mưu	29/12/1936		#N/A	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3214	Đào Thị Lê		01/01/1933	270419701	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3215	Trần Gia Mưu	29/12/1936		27399797	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3216	Trần Hoàng Dũng	16/08/1976		271501131	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3217	Trần Kim Uyên		06/05/1982	không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3218	Nguyễn Thị Thắm		14/02/1957	272017084	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3219	Nguyễn Thị Bích Nga		14/09/1983	không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nguyên đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3220	Nguyễn Tấn Hoàng	01/01/1959		271000360	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3221	Trình Văn Hòa	01/01/1975		271442119	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3222	Trình Thị Hiền		24/04/1979	271511648	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3223	Nguyễn Thị Sâm		01/01/1917	270419318	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3224	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		15/01/1993	không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3225	Nguyễn Văn Sơn	18/10/1958		272439091	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3226	Phan Thị Hoàng Linh		24/03/2003	không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3227	Phan Đông	11/01/1955		270420319	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3228	Hoàng Thị Chút		25/10/1922	272307089	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3229	Trần Thị Thông		01/01/1923	270419021	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3230	Nguyễn Kim Trọng	01/01/1918		270399649	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3231	Nguyễn Thị Tứ		01/01/1919	181183544	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3232	Nguyễn Thị Lý		01/01/1920	272433043	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3233	Hoàng Văn Minh	02/10/1985		không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3234	Hoàng Xuân Lợi	08/06/1956		272329351	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3235	Vũ Thị Nở		16/10/1925	270419105	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3236	Hoàng Văn Bằng	12/10/1925		270423651	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3237	Nguyễn An Bình	15/06/1978		271482144	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3238	Đinh Văn Tâm	06/01/1970		270797229	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3239	Trần Thanh Sơn	10/07/1973		271065470	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
3240	Ngô Văn Liên	01/01/1943		270399988	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3241	Nguyễn Thị Nụ		02/05/1954	270399989	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3242	Nguyễn Văn Vụ	01/01/1942		270419647	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3243	Nguyễn Phi Long	15/12/1978		271274806	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3244	Lý Thị Sen		24/01/1977	272283908	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	
3245	Vũ Thị Kim Oanh		15/04/1973	271514576	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3246	Vũ Tinh Thương	20/06/1975		không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3247	Trần Thị Cầu		01/05/1939	270399973	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3248	Nguyễn Hoàng Hải	20/10/1963		272073117	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3249	Nguyễn Thị Huệ		07/05/1955	270399695	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3250	Phạm Thăng Long	01/01/1954		272380573	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3251	Trần Thị Mỹ Linh		02/12/1977	không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3252	Cao Quang Chí	06/05/1931		210339364	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3253	Cao Việt Dũng	21/03/1970		272106292	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3254	Phan Duy Ngân	10/10/1965		271339258	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3255	Đặng Thị Thu Hương		29/01/1976	183038848	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3256	Trương Thị Ứng		20/06/1936	270419822	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3257	Đặng Thị Thùy Dương		01/12/1963	270419821	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3258	Trương Thị Ứng		20/06/1936	270419822	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3259	Vũ Văn Hoàn	20/08/1927		270420437	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3260	Ôn Long	01/01/1929		272505241	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3261	Nguyễn Thị Phương		01/01/1933	272505242	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3262	Phùng Đình Tê	01/01/1927		270399921	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3263	Bồ Văn Nghiệm	01/01/1927		270422190	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3264	Nguyễn Thị Bài		01/01/1935	270419505	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3265	Ngô Quang Du	01/01/1927		270419121	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3266	Hoàng Thị Tâm		24/09/1974	272119829	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3267	Nguyễn Văn Xi	01/01/1930		270419350	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3268	Lê Thị Năm		01/01/1936	270419351	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3269	Hoàng Văn Vân	01/01/1930		271597459	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3270	Huỳnh Thị Cang		22/02/1927	270419622	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3271	Phan Minh Thảo	05/01/1948		0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hồ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3272	Mai Quốc Hội	01/01/1927		270419325	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3273	Phạm Thị Hồng		01/01/1935	270419410	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3274	Trịnh Thị Trà		01/02/1928	160546239	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3275	Mai Thị Lê		16/10/1983	271620226	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3276	Đỗ Văn Sơn	04/05/1966		272457193	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3277	Trần Thiên An	09/03/1983		271576974	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3278	Trần Nguyễn Kim Anh		03/03/1987	271692049	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3279	Nguyễn Thị Thu		01/01/1982	270406200	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hồ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3280	Nguyễn Thị Yên		01/01/1931	270641523	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3281	Nguyễn Thị Em		20/10/1929	272569233	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3282	Lê Văn Thanh	28/03/1960		271692850	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3283	Huỳnh Văn Tám	01/01/1958		271000336	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3284	Trần Thị Trung		26/03/1958	270419702	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hồ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3285	Vũ Duy Hưng	27/12/1976		271597676	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3286	Lê Thị Nhài		01/01/1931	270419389	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3287	Ngô Thị Đình		12/08/1925	272725677	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3288	Ngô Thị Hương		26/11/1959	270419936	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3289	Nguyễn Thị Thu Hương		20/09/1967	270716600	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3290	Nguyễn Thị Kiềm		01/01/1941	270419231	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3291	Lê Thị Lan		10/04/1930	270419736	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3292	Nguyễn Thị Nụ		01/01/1940	270420144	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3293	Lê Thị Thịch		25/01/1931	140734435	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3294	Nguyễn Văn Hợi	18/05/1928		270419637	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3295	Mai Hữu Minh	31/05/1965		270734259	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3296	Đinh Thị Hiền		01/01/1932	270399978	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3297	Đinh Việt Hinh	01/01/1932		270419602	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3298	Phạm Thị Nguyệt		01/01/1932	270419160	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3299	Trần Thị Nga		01/01/1954	270419161	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3300	Trần Thị Mộng Thu		20/01/1979	271288074	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3301	Trần Thị Nhài		01/01/1932	270419512	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3302	Lê Thị Thanh		04/03/1928	272559076	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3303	Nguyễn Thị Tư		15/03/1932	272380529	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3304	Lê Thị Ước		13/08/1932	170781508	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3305	Nguyễn Thị Láng		05/10/1950	270399897	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3306	Nguyễn Văn Hiến	14/11/1958		270988867	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3307	Mai Thị Ngọc Dung		14/06/1964	27599646	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3308	Đặng Thị Đoài		02/03/1932	271988303	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3309	Ninh Hồng Hải	05/01/1966		270725215	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3310	Nguyễn Phương Nhi		06/08/2005	không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3311	Nguyễn Thị Dậu		20/12/1958	312149482	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3312	Lương Gia Huy	02/12/2008		0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3313	Nguyễn Thị Trường		08/08/1985	183593162	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3314	Nguyễn Thị Chúc		22/04/1933	270422925	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3315	Bùi Đức Doanh	01/01/1970		270798207	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3316	Bùi Thị Ngọc Sương		12/06/1971	270988859	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3317	Bùi Trọng Hiếu	08/10/1975		271131734	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3318	Lâm Thị Thanh Hương		20/03/1973	271065026	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3319	Phạm Văn Hoan	01/01/1973		không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3320	Đinh Văn Khiên	16/10/1974		271692929	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3321	Lê Thị Lâu		01/01/1940	270419750	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	600.000	
3322	Phạm Thị Liên		01/01/1933	270429729	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3323	Phạm Huy Long	14/08/2008		0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3324	Bùi Thị Mộng Thu		16/08/1983	271492789	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3325	Nguyễn Ngọc Mỹ	01/03/1933		270399961	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3326	Giang Thị Tường		18/10/1933	270420426	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3327	Lại Văn Thắng	19/04/1971		270919816	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3328	Vũ Thị Thúy		08/09/1978	272012922	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3329	Lê Thị Vỹ		11/02/1933	180169715	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3330	Ngô Thị Cúc		14/10/1933	270399714	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3331	Lê Đức Duy	29/08/1988		272636486	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3332	Vũ Minh Hùng	17/09/1992		272283812	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3333	Trần Thị Thanh Nga		02/02/1949	270418165	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3334	Cao Văn Thắng	25/11/1987		271742881	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3335	Trịnh Thị Ty		01/01/1954	270922561	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3336	Nguyễn Thị Như Ý		08/03/2012	0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3337	Trần Thị Nhu		18/05/1979	272569129	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3338	Nguyễn Thị Quỳ		28/04/1934	270399999	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3339	Bùi Thị Dương		03/08/1934	272307090	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3340	Nguyễn Thị Thơm		01/01/1934	270419440	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3341	Bùi Thị Kim Cúc		01/01/1934	270419489	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3342	Nguyễn Thị Ba		01/01/1954	270427267	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
3343	Kim Ngọc Sang	04/05/2000		không có	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3344	Đinh Thị Huệ		16/05/1965	272580669	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3345	Phạm Quang Toán	25/05/1965		270417269	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3346	Nguyễn Xuân Thịnh	12/05/1960		270419208	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3347	Đỗ Văn Lưu	06/07/1969		270798264	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3348	Nguyễn Thị Ngọc Anh		01/01/1978	271274790	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3349	Nguyễn Quang Dung	30/03/1949		270419511	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3350	Đào Thị Gái		28/08/1956	270422587	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3351	Trần Nguyên Vũ	13/04/1986		271687837	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3352	Trần Văn Minh	21/10/1954		271000349	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3353	Phan Văn Lắm	01/01/1935		270419445	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3354	Trần Thị Nụ		01/01/1935	270419264	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3355	Lê Thị Xuân		10/01/1935	272504932	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3356	Nguyễn Thị Yên		01/01/1935	270419068	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3357	Lê Thị Là		15/02/1935	270339985	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3358	Hoàng Đình Thuần	01/01/1943		130336859	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3359	Hà Văn Lô	01/01/1935		270640220	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3360	Võ Thị Tiu		13/09/1935	020646799	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3361	Phạm Thị Thiện		10/10/1935	270734258	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3362	Phạm Diễm	01/01/1927		200641350	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3363	Đỗ Văn Chỉ	01/01/1936		270419660	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3364	Dương Văn Huyền	24/01/1936		270419678	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3365	Nguyễn Văn Lâm	30/01/1936		271929114	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3366	Phạm Thị Tài		08/02/1936	270399942	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3367	Dương Thị Xúng		01/01/1936	161715255	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Chí chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3368	Trần Thị Thảo		07/07/1929	184230606	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3369	Nguyễn Thị Toan		10/01/1930	024615930	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3370	Ngô Thị Chuộng		01/01/1936	270399802	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3371	Trương Thị Tình		15/06/2002	0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3372	Hồ Thị Sâm		29/09/1980	272803724	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3373	Đặng Thận		12/08/1936	270734277	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3374	Nguyễn Thị Lợi		10/03/1936	270419788	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3375	Vũ Thị Ngọt		08/09/1936	270420339	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3376	Phạm Văn Thuận		10/10/1936	270419309	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3377	Phạm Thị Bé		01/01/1937	270419689	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3378	Đặng Ngọc Hôn		01/01/1937	270419715	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3379	Vũ Thị Liên		01/01/1937	270419447	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3380	Nguyễn Thị Năm		01/01/1937	270419391	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3381	Ngô Thị Sự		01/01/1937	270419266	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3382	Trần Yên		01/01/1937	270419428	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3383	Nguyễn Thị Kim Hồng		19/05/1941	0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3384	Phạm Thị Nhung		28/03/1952	270607437	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3385	Trần Thị Quế		01/06/1937	272106660	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3386	Nguyễn Văn Ba		17/07/1937	270419696	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3387	Nguyễn Văn Nguyễn		20/12/1937	270419116	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3388	Trương Thị Liên		01/01/1938	270389873	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3389	Trịnh Anh Duy		08/08/2011	0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3390	Trương Thị Ba		01/01/1938	270424346	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3391	Nguyễn Văn Nam		14/11/1976	0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3392	Đặng Thành		02/05/1938	270420391	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3393	Trần Thị Vy		17/07/1938	270420221	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3394	Nguyễn Ngọc Lương	23/06/2011		0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3395	Nguyễn Văn Giáo	20/11/1969		171638546	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3396	Nguyễn Thị Tuyết		08/09/1965	272505474	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3397	Ngô Thanh Tùng	08/06/2011		0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3398	Vũ Thị Kim Loan		18/12/1938	0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3399	Nguyễn Văn Mùa	27/01/1939		272239119	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3400	Trần Thị Thu Huệ		01/01/1939	270419869	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3401	Như Đăng Cảnh	01/01/1939		270419728	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3402	Trần Văn Hải	10/03/1988		272858792	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3403	Trần Thị Ôn		20/03/1939	270399640	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3404	Hồ Thị Thanh		07/07/1956	0	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3405	Vũ Thị Hà		12/08/1984	272505343	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3406	Trần Xuân Hiệp	03/08/1975		271672855	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3407	Trần Ngọc Duy Quang		30/08/2001	272899422	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng			
3408	Nguyễn Thị Hoa		02/09/1972	172612328	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
3409	Nguyễn Thị Nhị		13/06/1939	270423260	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
3410	Phạm Thị Giồng		01/02/1940	272380668	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
3411	Bùi Khánh Dư	30/12/1942		271797232	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
3412	Trần Thị Cầu		05/01/1939	270399973	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
3413	Trần Thị Minh		14/04/1951	271597683	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3414	Vũ Đức Long	01/01/1961		270417381	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
3415	Trần Thị Lai		01/01/1940	271647965	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
3416	Đinh Thị Nhàn		01/01/1940	270419814	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3417	Đỗ Thị Em		01/01/1940	205434650	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3418	Trương Thị Mỹ		01/01/1940	272505249	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3419	Tôn Văn Xuôi	01/01/1940		272283960	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3420	Nguyễn Thị Hải		01/01/1940	270419766	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3421	Ngô Thị Sáng		20/03/1940	270419043	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3422	Đỗ Thị Nhi		06/03/1940	270409088	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3423	Ngô Thị Sang		20/03/1940	270419043	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3424	Đỗ Thị Nhi		06/03/1940	270409088	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
						Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	
3425	Nguyễn Thị Tươi		06/08/1946	270419287	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3426	Tạ Thị Màu		25/02/1940	270399975	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3427	Ngô Thị Kim Lang		19/07/1943	270423169	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3428	Vũ Thùy Linh		03/07/1982	271419831	ấp Thanh Hóa, xã Hn3	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3429	Dương Thị Mỹ		01/01/1956	270603519	ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3430	Nguyễn Thị Kìa		15/10/1939	270603039	ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3431	Nguyễn Xuân	01/01/1940		272332146	ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	
3432	Phạm Chon Quí	01/01/1940		270603444	ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3433	Hồ Thị Ba		01/01/1940	270605766	ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3434	Nguyễn Thị Thom		01/01/1940	272560117	ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3435	Lê Văn Lương	01/01/1940		270603441	ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3436	Nguyễn Công Tâm	30/04/1950		270698418	ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3437	Nguyễn Hữu Thông	23/10/2009			ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3438	Trương Công Thành	01/01/1937			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
3439	Phan Thị Kim Chi		23/01/1962		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3440	Phan Thị Ngọc Diệp		01/01/1986		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi 01 con	300.000	1.500.000	
3441	Phạm Văn Hòa	01/01/1969			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3442	Trần Ngọc Phương Trinh		22/01/1999		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3443	Trần Ngọc Sơn	01/01/1947			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3444	Phạm Thị Tiểu		15/02/1946		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3445	Trần Trọng Tài	29/06/1971			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3446	Trần Văn Ngọc	04/03/1965			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3447	Phan Đăng	01/01/1922			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người già cô đơn từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
3448	Phan Xuân Mên	01/01/1967			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3449	Nguyễn Trần Vũ	01/01/1982			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3450	Trần Thị Huệ		01/01/1962		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3451	Trương Chấn	01/01/1939			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3452	Trương Công Định	02/12/1978			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3453	Nguyễn Công Tấn	01/01/1993			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3454	Lê Thị Nguyệt		01/01/1964		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3455	Lâm Tuấn Vũ	01/01/2002			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3456	Lê Thị Sáu		07/11/1966		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3457	Nguyễn Thị Ngọc Nga		01/01/1964		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3458	Trần Thiên Phúc	01/01/2004			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3459	Huỳnh Thị Mười		01/01/1971		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3460	Văn Thị Nga		01/01/1983		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3461	Nguyễn Thị Mai		20/10/1946		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3462	Lưu Thị Chấn		01/01/1921		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3463	Nguyễn Thị Lan Phương		27/06/1971		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3464	Nguyễn Thị Khóa		01/01/1923		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3465	Nguyễn Càng	01/01/1932			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3466	Nguyễn Hữu Tiên	11/12/1978			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3467	Lê Văn Hai	01/01/1925			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3468	Nguyễn Văn Thọ	10/04/1955			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3469	Trần Đình Khôi	01/01/1930			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3470	Trần Đình Xuân Anh	18/01/1995			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3471	Nguyễn Thị Xuân Thanh		26/08/1969		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3472	Nguyễn Thị Khai		01/04/1937	270698513	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3473	Nguyễn Thị Mai		01/01/1930		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3474	Trần Thị Để		01/01/1938		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3475	Nguyễn Thị Hải		12/04/1935		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3476	Trần Mộng Đào	17/05/1975			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3477	Phan Thị Đồi		01/01/1973		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3478	Nguyễn Thị Lan		01/01/1945	270603381	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3479	Trần Văn Huy	30/04/2000			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3480	Nguyễn Thị Kim Loan		27/05/1971		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3481	Trần Phước Thi	20/10/1940			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3482	Trần Thị Khiêm		20/10/1966		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3483	Mai Quang Hòa	30/05/1929			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3484	Mai Quang Vinh	03/04/1965			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3485	Nguyễn Xong	01/01/1929			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3486	Phan Văn Đức	01/01/1930			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3487	Võ Thị Tư		01/01/1930		Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3488	Nguyễn Thị Tài		01/01/1930		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3489	Nguyễn Thị Nga		10/10/1924		Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3490	Nguyễn Thanh Dũng	09/10/1963			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3491	Trần Huyền	01/01/1931			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3492	Nguyễn Thị Quế		01/01/1931		Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3493	Nguyễn Xuân Vinh	01/01/1958			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3494	Phan Văn Ba	21/08/1964			Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3495	Nguyễn Huỳnh Hồng Ngọc		27/08/1987		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3496			15/10/1931		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3497	Đoàn Thị Tuyết		31/03/1958		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3498	Huỳnh Thủy Kim Phụng		02/02/1994		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3499	Danh So	01/01/1932			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3500	Nguyễn Thị Lụa		01/01/1938	270581988	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3501	Trình Thị Thương		01/01/1932		Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3502	Nguyễn Thị Nhâm		01/01/1932		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3503	Vũ Duy Thành	01/01/1932			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3504	Nguyễn Huy Hoàng	01/01/1970			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3505	Hồ Tấn Phương	04/09/1968			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3506	Phan Thị Chín		01/01/1950		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3507	Nguyễn Thị Tuyết Nga		01/01/1959		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3508	Nguyễn Minh Thành	21/06/1982			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3509	Trà Thị Thanh Nhã		22/05/2008		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3510	Phan Thị Hoàng Trâm		06/05/1981		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3511	Nguyễn Thị Thụ		15/06/1950		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3512	Đoàn Thị Phương Thảo		10/07/1980		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3513	Trần Nguyễn Đình Minh T	17/05/2004			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3514	Phạm Thị Châu		20/08/1933		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3515	Phan Chở	10/05/1933			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3516	Cao Thị Thơm		07/01/1934		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3517	Lý Minh Sơn	13/02/1934			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3518	Hồ Xuân Mậu	20/10/1934			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3519	Tôn Nữ Thị Dơi		05/02/1935		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3520	Võ Thị Thưa		22/02/1934		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3521	Phạm Thị Út		01/01/1934		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3522	Võ Thị Kim Phương		01/01/1935		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3523	Phạm Minh Quang	01/11/1952			Hung Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3524	Vũ Thị Yến Vy		16/12/2003		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3525	Trương Dân	04/01/1951			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3526	Lê Thị Diệp		12/12/1951		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hệ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3527	Trần Thị Ba		01/01/1935		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3528	Phạm Đắc Liệp	01/01/1935			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3529	Trần Thị Hạnh		02/02/1936		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3530	Nguyễn Thị Loan		01/01/1935		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3531	Nguyễn Thị Cúc		02/06/1935		Hung Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3532	Huỳnh Thị Hiệp		20/04/1962		Hung Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3533	Phạm Thị Tuyết		10/05/1935		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3534	Trần Lệ Khanh		01/01/1958		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3535	Đào Văn Tạo	15/02/1936			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3536	Trương Thị Đờ		27/10/1935		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3537	Trương Thị Mót		01/01/1935		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3538	Nguyễn Quy	01/01/1936			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3539	Nguyễn Thị Phương		28/02/1957		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3540	Nguyễn Thị Lang		12/05/1936		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3541	Bùi Thị Hương		16/06/1936		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3542	Ngô Thị Ngọc Bảo		09/05/1978	271314120	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3543	Cao Thị Mân		18/08/1936		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3544	Hồ Thị Tê		14/10/1936		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3545	Tạ Thị An		01/01/1937		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3546	Nguyễn Thị Anh		01/01/1937		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3547	Phan Minh Liễu	15/05/1939		271887233	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3548	Phan Thị Gái		01/01/1937		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3549	Vô Thị Xê		01/01/1937		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3550	Trần Văn Minh	01/01/1937			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3551	Nguyễn Thị Nhung		01/01/1937		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3552	Vũ Anh Minh	25/08/1953			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ nhận nuôi trẻ mồ côi dưới 4 tuổi	450.000	1.500.000	
3553	Phạm Thị Ba		01/01/1955	370758510	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3554	Bùi Ngọc Bàn	10/06/1937		280377555	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3555	Đỗ Thị Mai Sen		27/08/1937	270581122	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3556	Đỗ Thị Tâm		21/07/1937	270698556	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3557	Nguyễn Thị Mai		27/07/1937	270698493	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3558	Nguyễn Thị Chúc		01/01/1937	270604675	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3559	Nguyễn Thanh Lâm	02/02/1938		270603490	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3560	Nguyễn Thị Tâm		16/07/1937	020423494	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3561	Nguyễn Ngọc Thùy Triều		09/10/1987	271822553	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3562	Nguyễn Thị Kim Hoàng		03/04/1954	272199170	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3563	Trần Ngọc Phương	23/06/1978			ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3564	Nguyễn Phạm Nhật Quỳnh		26/12/2006		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3565	Trần Thị Linh		14/04/1992		ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi 01 con	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3566	Trương Luận	16/12/1938		270603024	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3567	Nguyễn Thị Xăng		01/01/1939	270698509	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3568	Trần Thị Tài		08/02/1939	270603607	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3569	Phan Thị Tư		03/03/1939	270603398	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3570	Vũ Đình Ân	24/04/1939		270603462	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3571	Ilô Cứ	05/05/1939		270581574	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3572	Trần Thị Xuân Hường		20/05/1939	272140135	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3573	Lê Văn Yên	23/05/1939		270698310	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3574	Nguyễn Thị Vân		08/06/1957	270454962	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3575	Nguyễn Thị Lựa		07/05/1939	360820507	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3576	Huỳnh Thị Nở		01/01/1939	270605758	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3577	Phạm văn Chặt	01/01/1955		270894722	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3578	Nguyễn Huệ	15/08/1932		272569935	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3579	Phạm Thị Tú		05/08/1937	272569936	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3580	Phạm Thị Mến		17/11/1939	270603215	ấp Hưng bình, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3581	Trương Thị Trinh		02/02/1949	270916106	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên Hồ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3582	Trần Văn Viện	01/01/1940		270581346	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3583	Nguyễn Thanh Dũng	01/01/1949		271919289	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3584	Hoàng Thị Hồng		01/07/1956	270105604	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3585	Nguyễn Văn Hôn	15/10/1939		270606294	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3586	Vũ Thị Dươn		29/11/2019	270581044	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3587	Dương Văn Thắng	07/07/1957		270580882	ấp Hưng long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3588	Lâm Văn Đông	01/01/1970			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3589	Vũ Trọng Hiếu	01/01/1995			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3590	Vũ Văn Thái	18/03/1972			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3591	Phạm Thế Thòi	23/12/1976			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3592	Phạm Văn Liên	01/01/1932			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3593	Nguyễn Thị Sâm		01/01/1945		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3594	Đỗ Tuệ	01/01/1924			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3595	Lê Thị Ty		01/01/1929		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3596	Nguyễn Thị Hạnh		02/08/1984		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3597	Nguyễn Thị Lan		11/01/1952		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3598	Nguyễn Thị Liêm		04/08/1925		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	750.000	1.500.000	
3599	Sử Định	01/01/1951			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3600	Lê Thị Mới		01/01/1954		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3601	Nguyễn Đình Lân	10/08/1962			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
3602	Trần Thị Êm		02/07/1928		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3603	Trần Thị Tám		01/01/1928		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3604	Lê Thị Thúy		31/05/1957		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3605	Lã Thị Hạt		01/01/1928		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3606	Nguyễn Thị Màu		04/02/1927		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3607	Mai Thị Lan		01/01/1930		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3608	Nguyễn Thị Dung		02/08/1962		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3609	Nguyễn Thị Tuyết		29/05/1965	270581364	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3610	Trần Thị Huyền		01/01/1930		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3611	Vũ Đình Khuyển	08/10/1930			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3612	Nguyễn Thị Đàm		05/05/1933		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3613	Nguyễn Thị Bình		09/03/1933		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3614	Nguyễn Thị Thụ		01/01/1930		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3615	Nguyễn Văn Kết	01/01/1930			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3616	Nguyễn Thị Mỹ Dung		20/05/1960		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3617	Nguyễn Văn Quyền	20/09/1969			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3618	Lê Thị Mỹ Hạnh		10/12/1988		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3619	Lê Văn Hồng	01/02/1954			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3620	Lê Bé	01/01/1931			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3621	Đỗ Thị Nhi		01/01/1931		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3622	Đỗ Trường Sơn	01/01/1981			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3623	Lê Thị Diệp		07/02/1953		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3624	Lê Tấn Sanh	01/01/1938		270580628	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3625	Lê Minh Nhật	27/04/1993			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3626	Hoàng Thị Tường		12/08/1946	270581351	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3627	Trần Hoàng Hiệp	15/06/1996			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3628	Nguyễn Thị Xuyên		24/03/1967		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3629	Tạ Thị Ngân		07/12/1996		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3630	Nguyễn Ngọc Cư	27/09/1943			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3631	Nguyễn Thị Tắt		30/10/1931		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3632	Đặng Thị	05/05/1931			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3633	Trịnh Văn Tư	15/09/1968		270581317	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3634	Võ Thị Tráng		15/09/1931		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3635	Đỗ Công Xứ	12/07/1931			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3636	Lê Thị Ru		01/01/1930		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3637	Nguyễn Lý Thúc	04/05/1932			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3638	Đỗ Đăng Cương	25/02/1944			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3639	Dương Thị Tuyết Nhi		08/07/2007		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3640	Nguyễn Duy Hoàn	26/03/1962			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3641	Nguyễn Thị Yên		03/08/1955		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3642	Hoàng Đình Chương	01/01/1999			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3643	Hoàng Đình Triệu	20/06/1965			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3644	Lê Trần Vy Thảo		03/10/2004		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3645	Trần Thị Ngọc Hạnh		21/09/1979		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3646	Trần Thị Tất		01/01/1936		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3647	Trần Hà	01/01/1970			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3648	Lê Viết Tú	03/07/1932			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3649	Nguyễn Thị Nam		02/06/1933		Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3650	Mai Thị Nhật		12/01/1933		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3651	Hoàng Ngọc Quảng	01/02/1933			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3652	Phan Thị Soi		01/01/1933		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3653	Trần Thị Thiên		01/01/1936		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3654	Nguyễn Đỗ Thiên An		24/09/2010		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3655	Đỗ Lê Bích Ngọc		05/07/1984		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3656	Đỗ Xuân Trường	20/10/2009			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3657	Lê Văn Hồ	01/01/1968			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3658	Nguyễn Triều Phú		19/10/1966		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3659	Đặng Thị Tư		01/01/1934		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3660	Võ Thị Hồng Thu		08/06/1964		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3661	Nguyễn Đình Hưng	11/10/2003			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3662	Lê Thị Phương		04/08/1980		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3663	Trần Thị Hoa		01/01/1934		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3664	Trần Thị Thu Hà		07/09/1971		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3665	Nguyễn Thị Hồng		20/08/1934		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3666	Nguyễn Thị Bé		15/08/1934		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3667	Lê Ngọc Niên	01/01/1934			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3668	Nguyễn Thị Con		01/08/1934		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3669	Vũ Đình Lô	01/05/1934			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3670	Dương Văn Hoàng	10/02/1934			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3671	Lê Thị Thảo		01/01/1935		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3672	Nguyễn Thị Hoa		02/02/1934		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3673	Nguyễn Thị Thí		01/01/1934		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3674	Nguyễn Văn Sơn	10/06/1965			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3675	Đình Văn Hùng	15/08/1963			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3676	Nguyễn Thị Thôi		12/08/1961		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3677	Trần Thị Thí		01/01/1935		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3678	Đỗ Thị Thơm		01/01/1935		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3679	Trần Văn Hoàn	12/02/1935			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3680	Nguyễn Văn Thảo	06/02/1935			Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3681	Trình Thanh Sang	16/05/1992		272044128	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3682	Lưu Thị Long		20/03/1935		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3683	Trần Tri Vi	09/02/1942			Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3684	Nguyễn ThịSTRU		01/01/1946		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3685	Trần Minh Quầy	02/12/1935			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3686	Nguyễn Thị Ca		04/04/1936		Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3687	Hồ Thị Thứ		11/11/1935		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3688	Bùi Thị Tiền		15/01/1936		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3689	Phan Thị Thương		01/01/1936		Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3690	Phan Thị Ngọc Hồng		01/05/1930		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3691	Nguyễn Hải Lâm	15/01/1979			Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3692	Nguyễn Bình Phiên	22/08/1954			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3693	Huỳnh Thị Thanh		03/08/1979		Hưng Thịnh	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3694	Nguyễn Xuân Dũng	18/04/1960			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3695	Phạm Thị Tuyết		01/01/1955		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3696	Phùng Bình	12/07/1936			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3697	Lê Thị Vạn		04/10/1936		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3698	Nguyễn Lên	11/12/1936			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3699	Bùi Thị Đến		02/03/1939	270580470	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3700	Trần Thị Duân		12/11/1936		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3701	Nguyễn Thị Ánh		01/01/1937		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3702	Nguyễn Thị Mai		21/09/1963	270580895	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3703	Trần Thị Bé		01/01/1937		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3704	Nguyễn Thị Chín		01/01/1937		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3705	Hoàng Thị Xuyên		01/01/1937		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3706	Mai Thị Liễu		01/01/1937		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3707	Trần Thị Ngân		01/01/1937		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3708	Hoàng Thị Nhiều		01/01/1937		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3709	Nguyễn Thị Vy		01/01/1937		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	